

HƯỚNG DẪN HỌC VỤ

(Trích Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo
Quyết định số 235/2018/QĐ-TĐT ngày 07 tháng 02 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường đại học Tôn Đức Thắng)

Chương I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này qui định về hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường đại học Tôn Đức Thắng (sau đây gọi là TDTU, Trường hoặc Nhà trường), bao gồm:

- Qui định về tuyển sinh;
- Qui định về tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo;
- Qui định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và đơn vị liên quan;
- Qui định về luận án tiến sĩ, bảo vệ và đánh giá luận án tiến sĩ;
- Qui định về thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ;
- Qui định về khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; và
- Các qui định khác có liên quan đến hoạt động đào tạo bậc tiến sĩ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

- Các đơn vị, cá nhân, bao gồm cả người nước ngoài có liên quan đến hoạt động đào tạo bậc tiến sĩ tại TDTU;
- Quy định này không áp dụng với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa TDTU với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng hoặc cả hai bên cùng cấp bằng. Những chương trình này được điều tiết bởi đề án.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do TDTU xây dựng, thẩm định và ban hành theo qui định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 36, Luật giáo dục đại học, với các điều kiện sau:

- Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên; và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học;
- Chuẩn đầu ra trình độ đào tạo tiến sĩ tại TDTU:

(b1) Yêu cầu về kiến thức:

- Kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và đầy đủ;
- Tư duy và năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo;
- Nắm vững các giá trị cốt lõi, quan trọng nhất về học thuật của chuyên ngành;
- Có năng lực tổ chức công việc chuyên môn và xây dựng-lãnh đạo nhóm nghiên cứu để xử lý các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành;
- Có ít nhất 01 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục ISI của Clarivate Analytics về kết quả nghiên cứu ở bậc tiến sĩ (hoặc 02 bài trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, Elsevier) đối với nhóm ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, khoa học xã hội. Có ít nhất

02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục ISI của Clarivate Analytics đối với nhóm ngành kỹ thuật – tự nhiên. Những tạp chí này không thuộc danh sách các tạp chí /nhà xuất bản không được TDTU tài trợ (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI/Scopus). Tất cả đều đứng tên tác giả chính (tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc) và theo qui định về công bố quốc tế của TDTU

(b2) Yêu cầu về kỹ năng:

- Xử lý thành thạo các vấn đề về lý thuyết và thực hành nghề nghiệp;
- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề;
- Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề qui mô khu vực và quốc tế;
- Có đủ kỹ năng ngoại ngữ để hiểu các vấn đề từ cụ thể đến trừu tượng, từ thực tế đến lý thuyết thuộc lĩnh vực chuyên môn của bậc tiến sĩ. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ thông thạo ở các diễn đàn khoa học quốc tế;
- NCS là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

(b3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, qui luật trong quá trình giải quyết công việc;
- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến;
- Có khả năng làm việc hội nhập trong môi trường quốc tế; có năng lực quản lý hoặc/và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể;
- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, qui trình mới.

(b4) Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp:

- Giảng dạy và nghiên cứu ở các Viện, Trường đại học trong nước và quốc tế;
- Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước phù hợp với chuyên ngành;
- Tự khởi nghiệp các Trung tâm, Viện nghiên cứu, Lab chuyên ngành;
- Làm việc phù hợp với chuyên môn bậc tiến sĩ ở các tổ chức, đơn vị kinh tế trong và ngoài nước...

(b5) Đủ năng lực tự nghiên cứu nâng cáo trình độ sau tốt nghiệp:

2. Kết cấu chương trình đào tạo bậc tiến sĩ bao gồm:

- Các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ; và
- Luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

- a. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Hiệu trưởng phê duyệt số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung.

- b. *Đối với NCS chỉ có bằng tốt nghiệp đại học*: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng (trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn); có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.
4. Các học phần bậc tiến sĩ (bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:
- Tiểu luận tổng quan*: yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;
 - Các chuyên đề tiến sĩ*: yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu **02** chuyên đề tiến sĩ với khối lượng kiến thức tối thiểu **06** tín chỉ;
 - Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu **06** học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức tối thiểu **14** tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và **02** chuyên đề tiến sĩ là những học phần bắt buộc.
5. Luận án tiến sĩ là kết quả quá trình học tập của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Khối lượng kiến thức tối thiểu cho luận án tiến sĩ tương đương **60** tín chỉ.

Chương II TUYỂN SINH

Điều 5. Phương thức và thời gian tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: **xét tuyển**
- Số lần tuyển sinh trong năm*: tuyển sinh bậc tiến sĩ tại TDTU được tổ chức 01 đến 02 lần/năm. Số lần tổ chức tuyển sinh trong một năm học do Hiệu trưởng quyết định

Điều 6. Phương thức và thời gian tuyển sinh

Người dự tuyển học tập bậc tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại khá trở lên;
- Là tác giả **01** bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời gian **03** năm (**36** tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Nếu người dự tuyển chỉ có bằng tốt nghiệp đại học loại khá thì phải là tác giả chính của ít nhất **01** bài báo trên các tạp chí ISI/Scopus.
- Đối với công dân Việt Nam*, ngoài các điều kiện qui định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 điều này, người dự tuyển phải có **một (1) trong những** văn bằng, chứng chỉ hoặc minh chứng về năng lực ngoại ngữ dưới đây:

- a. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;
- b. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên Ngành ngôn ngữ Anh;
- c. Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào theo qui định của TDTU;
- d. Người dự tuyển là tác giả chính của **02** công bố khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục các tạp chí ISI/Scopus trong thời hạn **03** năm (**36** tháng) tính từ ngày xuất bản đến ngày đăng ký dự tuyển;
- e. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ Ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài thứ 2 (khác tiếng Anh) theo qui định của TDTU; hoặc đáp ứng qui định tại Điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng qui định tại Điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học một ngôn ngữ nước ngoài mà không phải là tiếng Anh.

4. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của ngành đăng ký dự tuyển theo qui định của TDTU.

Điều 7. Hồ sơ dự tuyển

Người dự tuyển phải nộp **01** bộ Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

1. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của TDTU);
2. Lý lịch khoa học (theo mẫu của TDTU);
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);
4. Đề cương nghiên cứu (theo mẫu của TDTU);
5. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức vụ chuyên môn là phó giáo sư, giáo sư của các cơ sở giáo dục, khoa học-công nghệ uy tín (sau đây gọi chung là chức vụ giáo sư); hoặc người giới thiệu có học vị tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
7. Giấy giới thiệu của Đại sứ quán tại Việt Nam (*nếu người dự tuyển là người nước ngoài và Nhà trường xét thấy việc này là cần thiết*);
8. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa còn thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển (*trong trường hợp ứng viên xin học bổng*);
9. Bản sao các công trình khoa học đã công bố (*có bản gốc hoặc các minh chứng khác để đối chiếu*).

Điều 12. Qui trình xét tuyển NCS

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS bằng cách đánh giá phân loại người dự tuyển dựa trên hồ sơ dự tuyển theo các nội dung sau: (a) kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; (b) trình độ ngoại ngữ; (c) thành tích nghiên cứu khoa học; (d) kinh nghiệm hoạt động, chuyên môn; (e) chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; (f) ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu.

2. Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá người dự tuyển theo các nội dung sau: (a) ý tưởng và tính khả thi của kế hoạch nghiên cứu; (b) tính cách, trí tuệ và những tư chất cần có của một NCS. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại người dự tuyển về các nội dung trên. Đối với người dự tuyển là người nước ngoài, Tiểu ban chuyên môn có thể sử dụng phỏng vấn trực tuyến.

3. Căn cứ các nội dung đánh giá qui định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này, Tiểu ban chuyên môn xây dựng thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách người dự tuyển xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng SĐH có trách nhiệm gửi giấy gọi nhập học đến người trúng tuyển.

2. Sau khi người trúng tuyển đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS).

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 14. Thời gian, hình thức, ngôn ngữ đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ trở lên là **03 năm (36 tháng)** đến **4 năm (48 tháng)**; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là **04 năm đến 5 năm (60 tháng)** tùy theo ngành, kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Thời gian đào tạo qui định tại điều này không tính đến thời gian NCS được điều động vào các lực lượng vũ trang nhân dân, hoặc nghỉ thai sản theo qui định của pháp luật. *Thời gian cụ thể cho từng ngành được ghi rõ trong đề án tổ chức đào tạo tiến sĩ của ngành đã được duyệt.*

2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức tập trung. NCS có trách nhiệm học **tập trung liên tục trong 12 tháng** tại TDTU trong giai đoạn 24 tháng đầu kể từ ngày có quyết định công nhận NCS.

3. Về hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

- a. NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian qui định tại Khoản 1 điều này;
- b. Trong trường hợp không hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn. NCS có trách nhiệm thực hiện thủ tục xin gia hạn học tập ít nhất 06 tháng trước ngày hết hạn thời gian đào tạo. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại TDTU;
- c. Trường hợp NCS không hoàn thành luận án hoặc luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua mà đã hết thời gian đào tạo (nếu không gia hạn); hoặc hết thời gian gia hạn, Phòng SĐH cấp giấy chứng nhận hoàn thành các học phần tiến sĩ theo yêu cầu của NCS; Hiệu trưởng quyết định cho NCS thôi học.
- d. Hiệu trưởng TDTU xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu NCS hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo qui định của Qui chế này;

e. Các trường hợp ngoại lệ sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

4. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Anh.

Điều 15. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Sau khi có quyết định công nhận NCS, căn cứ vào văn bằng và bảng điểm mà NCS đã hoàn thành ở trình độ đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ, P.SDH lập danh sách những NCS phải học các học phần bổ túc kiến thức và thông báo cho NCS biết về số lượng học phần phải học và kế hoạch, thời gian học cụ thể. Phòng SDH xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập của NCS sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, NCS phải đăng ký để theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của TDTU.

2. Phòng SDH phối hợp với Khoa/Viện quản lý chuyên môn xây dựng kế hoạch học tập các học phần trình độ tiến sĩ một cách cụ thể và thông báo cho NCS ngay tại thời điểm bắt đầu khóa học. Các học phần bậc tiến sĩ được tổ chức thành các lớp học riêng.

3. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS được tiến hành theo các yêu cầu và qui định sau đây:

- a. Bảo đảm yêu cầu về kiến thức, trình độ của học phần trong chương trình đào tạo tương ứng;
- b. Khuyến khích và đòi hỏi tính chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;
- c. Việc đánh giá các học phần tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện khách quan liên tục trong quá trình đào tạo. Thang đánh giá áp dụng như đối với đánh giá học phần theo hệ thống tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của TDTU.

4. NCS có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu được gia hạn một lần với thời gian **tối đa 06 tháng**. Trong trường hợp NCS không hoàn tất học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan theo kế hoạch học tập mà không gia hạn hoặc gia hạn nhưng tiếp tục bị đánh giá không đạt yêu cầu, Hiệu trưởng ra quyết định cho NCS thôi học. Trong trường hợp NCS chưa có bằng thạc sĩ và có đơn đề nghị, Hiệu trưởng xem xét và quyết định việc cho phép hoặc không cho phép NCS chuyển sang học chương trình giáo dục bậc thạc sĩ ở ngành tương ứng.

5. Việc tổ chức đánh giá các học phần thuộc chương trình đào tạo bậc tiến sĩ do các bộ môn quản lý học phần quyết định với sự phê duyệt của Khoa/Viện quản lý chuyên môn.

6. Tiểu ban đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu ban đánh giá bài tiểu luận (Tiểu ban đánh giá) có trách nhiệm đánh giá và chấm điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan. Tiểu ban đánh giá do Hiệu trưởng thành lập gồm 03 thành viên do Hiệu trưởng chỉ định; trong đó có ít nhất 01 thành viên ngoài TDTU. Thành viên Tiểu ban đánh giá tối thiểu phải là người có học vị tiến sĩ đã tròn **03** năm trở lên (kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ); và am hiểu về lĩnh vực của chuyên đề tiến sĩ và bài tiểu luận tổng quan của NCS.

7. NCS có trách nhiệm trình bày về chuyên đề tiến sĩ và bài tiểu luận tổng quan trước Tiểu ban đánh giá. Tiểu ban đánh giá thực hiện đánh giá và chấm điểm theo các tiêu chí đã được công bố cho NCS. Thang điểm chấm được xác định tối đa là 10 và tối thiểu là 0 điểm. Điểm số lẻ được xác định đến 0,5 điểm. Điểm đánh giá cho từng chuyên đề tiến sĩ và bài tiểu luận tổng quan là điểm trung bình chung của các thành viên Tiểu ban đánh giá. Điểm trung bình được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm đạt được xác định từ **5,0** điểm trở lên.

8. NCS chỉ được tiếp tục theo học chương trình tiến sĩ nếu tất cả các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS được đánh giá đạt.

9. Nghiên cứu khoa học là nghĩa vụ bắt buộc của NCS trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Thời gian nghiên cứu khoa học được NCS xác định và được Hiệu trưởng phê duyệt trong thời gian đào tạo qui định tại Khoản 1 Điều 14.

Điều 16. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong **nửa đầu thời gian học** của NCS.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện theo qui định sau: (a) việc thay đổi này chỉ được thực hiện khi có đồng ý bằng văn bản của người hướng dẫn được bổ sung, người hướng dẫn mới và người hướng dẫn cũ; và (b) việc thay đổi này phải được thực hiện ít nhất **12 tháng** trước ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được thực hiện theo qui định sau: (a) Hiệu trưởng xem xét và quyết định cho hay không cho chuyển cơ sở đào tạo theo đơn đề nghị của NCS; (b) việc xem xét chuyển cơ sở đào tạo chỉ được thực hiện *nếu thời gian đào tạo còn ít nhất 12 tháng* theo quyết định công nhận NCS; (c) cơ sở đào tạo được chuyển đến phải đồng ý bằng văn bản và đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở bậc tiến sĩ. Trong trường hợp Hiệu trưởng ra quyết định cho phép chuyển cơ sở đào tạo, NCS và cơ sở đào tạo tiếp nhận có trách nhiệm thực hiện đào tạo tiến sĩ theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 18. Người hướng dẫn NCS

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

- a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng qui giảng viên đại học;
- b. Có chức vụ giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ phù hợp, hoặc liên quan chuyên môn với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS. Người chưa có chức vụ giáo sư thì phải có tối thiểu **02** năm (24 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- c. Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;
- d. Là tác giả chính tối thiểu **02** bài báo đã công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus;
- e. Trường hợp chưa có chức vụ giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng qui định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm **01** bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus;
- f. Có kỹ năng ngoại ngữ nghiên cứu và trao đổi khoa học đẳng cấp quốc tế;
- g. Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của TDTU hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với TDTU;

2. Mỗi NCS có tối đa **02** người hướng dẫn, trong đó:
 - a. Hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c hoặc điểm a, b, d thuộc khoản 1 Điều này;
 - c. Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của TDTU hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với TDTU;
 - d. Các trường hợp ngoại lệ, Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp Khoa/Viện và Phòng SĐH có ý kiến đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền của NCS

1. Thực hiện qui định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.
2. Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo qui định của TDTU.
3. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.
4. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo qui định của Nhà trường.
5. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS có trách nhiệm làm việc, trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch đã định; tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học. Trường hợp NCS không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ ít nhất **03** lần trong các buổi sinh hoạt khoa học mà không có lý do chính đáng, Hiệu trưởng ra quyết định buộc thôi học.
6. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải thực hiện công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học thuộc danh mục qui định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 23 của Qui chế này. Các bài báo khoa học phải được người hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.
7. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp cơ sở trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án.
8. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án của TDTU.
9. Được tham gia vào các nhóm nghiên cứu của Trường phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực chuyên môn.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo qui định của TDTU.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 22. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng qui định tại khoản 5, Điều 3 của Qui chế này và qui định của Hiệu trưởng TDTU về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, qui định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (tham khảo mẫu tại Phụ lục).
2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:
 - a. Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

- b. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
 - c. Tuân thủ qui định về Liêm chính học thuật của TDTU và các qui định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.
3. Luận án tiến sĩ có khối lượng kiến thức tối thiểu tương đương **60** tín chỉ, độ dài không quá 150 trang A₄ không kể phụ lục; trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần sau:
- a. Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
 - b. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - c. Nội dung, kết quả nghiên cứu (thể hiện thành các chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thiết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và biện luận của NCS;
 - d. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - e. Danh mục bài báo đã công bố có liên quan đến nội dung luận án của NCS;
 - f. Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
 - g. Phụ lục và báo cáo điều tra khảo sát (nếu có);
 - h. Luận án tiến sĩ được trình bày đúng theo qui định về hình thức của TDTU tại Phụ lục của Quy chế này.

Điều 23. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:
 - a. Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ qui định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của Quy chế này;
 - b. NCS là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;
 - c. Đã công bố ít nhất **01** bài báo trên tạp chí thuộc danh mục ISI (hoặc 02 bài trên tạp chí thuộc danh mục Scopus) đối với nhóm ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, khoa học xã hội. Có ít nhất 02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục ISI đối với nhóm ngành kỹ thuật-tự nhiên. Những tạp chí này không thuộc danh sách các tạp chí/nhà xuất bản không được TDTU tài trợ. Tất cả đều đứng tên tác giả chính (tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc) và theo qui định về công bố quốc tế của TDTU;
 - d. Đã hoàn thành luận án theo đúng yêu cầu qui định tại Điều 22 của Quy chế này;
 - e. Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.
 - f. Đã nộp toàn văn luận án lên hệ thống kiểm tra đạo văn của TDTU.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn ít nhất gồm **05** thành viên, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài TDTU. Thành viên hội đồng phải có chức vụ giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu.
3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng ít nhất là **15** ngày làm việc trước ngày tổ chức họp Hội đồng đánh giá. Các thành viên Hội đồng phải đọc kỹ luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.
4. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ 3/4 số thành viên Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

Điều 24. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.
2. Trong trường hợp hai (2) phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS.
3. Trong trường hợp có ít nhất một phản biện độc lập không tán thành luận án, Phòng SĐH lấy ý kiến phản biện độc lập thứ ba (3). Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cho NCS .
4. Trong trường hợp hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án hoặc phản biện thứ ba không tán thành (trong trường hợp luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba); luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở đơn vị chuyên môn. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Trường sớm nhất sau **06** tháng và muộn nhất là **24** tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

Điều 25. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:
 - a. Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
 - b. Luận án của NCS được các phản biện độc lập (qui định tại Điều 24 của Qui chế này) tán thành;
 - c. NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm:
 - a. Toàn văn luận án;
 - b. Tóm tắt luận án;
 - c. Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Nội dung gồm: tên luận án, tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khoá đào tạo; chức vụ giáo sư, học vị của người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án; chữ ký và họ tên của NCS;
 - d. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 22 Qui chế này (nếu có);

- e. Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- f. Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;
- b. Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- c. Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;
- d. Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;
- e. Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Trưởng khoa chuyên môn;
- f. Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS.

Điều 26. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Căn cứ vào đề nghị của Trưởng khoa quản lý chuyên môn và Trưởng phòng P.SĐH, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
2. Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm **07** thành viên; trong đó số thành viên có chức vụ giáo sư tối thiểu là **05** người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá **03** người; số thành viên của TDTU tối đa không quá **03** người;
3. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, **03** phản biện và các ủy viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư của ngành liên quan với đề tài luận án; các phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.
4. Thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường không được là người thân của NCS; gồm cha, mẹ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng con, con nuôi, anh chị em ruột của NCS.

Điều 27. Đánh giá luận án ở cấp trường

1. Hiệu trưởng TDTU qui định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Trường sao cho bảo đảm những yêu cầu sau:
 - a. Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật qui định tại Điều 28 của Quy chế này;
 - b. Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của TDTU: www.tdtu.edu.vn, trên website của Phòng SĐH: www.grad.tdtu.edu.vn và website của Khoa/Viện quản lý chuyên môn chậm nhất **20** ngày trước ngày bảo vệ; trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật qui định tại Điều 28 của Quy chế này;
 - c. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu công khai (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ **02** thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;
 - d. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những

thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận kết quả tốt nghiệp, cấp bằng tiến sĩ cho NCS;

- e. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

Điều 28. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền qui định thì Hiệu trưởng TDTU phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.
2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các qui định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo qui chế bảo mật của Nhà nước.
3. NCS thực hiện các luận án được xác định là mật qui định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện qui định tại Điểm c, khoản 1 Điều 23 và điểm b, khoản 1 Điều 27 của Qui chế này.
4. Ngoài qui định tại khoản 3 Điều này, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các qui định khác của Qui chế này.

Điều 29. Đánh giá lại luận án ở cấp trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai chậm nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.
2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.
3. Trình tự, thủ tục bảo vệ lại luận án theo đúng trình tự, thủ tục bảo vệ luận án cấp Trường lần đầu.
4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 30. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện bởi quyết định của Hiệu trưởng TDTU trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua trong báo cáo định kỳ của Phòng SDH.
2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

Điều 31. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo
 - a. Hồ sơ dự tuyển NCS có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 7 của Quy chế này;
 - b. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của NCS qui định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này;
 - c. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS qui định tại khoản 2 Điều 35 của Quy chế này;
 - d. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án
 - a. Luận án tiến sĩ ;
 - b. Tóm tắt luận án;
 - c. Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của NCS theo qui định;
 - d. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 32. Qui trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Tùy thuộc vào yêu cầu của việc thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án, Hiệu trưởng sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định với những yêu cầu thẩm định cụ thể (quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án).
2. Hồ sơ thẩm định được P.SĐH trình cho Hiệu trưởng. Trong thời gian không quá **60** ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Nhà trường tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.
3. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các qui định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, qui trình tổ chức đánh giá luận án các cấp qui định tại Quy chế này.
4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của **03** nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức vụ giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất **02** ý kiến tán thành.
5. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất **02** ý kiến thẩm định không tán thành, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án và tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án.

Điều 34. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo qui định tại khoản 4 Điều 32 Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cùng với người hướng dẫn và NCS xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.
2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:
 - a. Trong trường hợp NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, NCS được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo qui định tại Điều 29 của Quy chế này;
 - b. Trong trường hợp NCS đã được cấp bằng tiến sĩ thì Hiệu trưởng TDTU xử lý theo qui định tại khoản 2 Điều 38 Quy chế này.
3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Hiệu trưởng, Trường khoa quản lý chuyên môn bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.
4. Trong thời gian tối đa **02** tháng (**60** ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Hiệu trưởng về kết quả thẩm định, Trường khoa quản lý chuyên môn có văn bản báo cáo Hiệu trưởng về

việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 35. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để NCS được xét cấp Bằng tiến sĩ:

- a. Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ **03** tháng (**90** ngày);
- b. NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và được người hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng xác nhận;
- c. NCS không có tên trong danh sách thẩm định theo thông báo của Nhà trường. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo qui định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 của Quy chế này.
- d. Đã đăng trên trang thông tin điện tử của TDTU và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và Tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng TDTU sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp Bằng tiến sĩ của NCS gồm:

- a. Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;
- b. Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- c. Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;
- b. Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS;
- c. Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS;
- d. Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- e. Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật qui định tại Điều 28 Quy chế này;
- f. Các tài liệu khác theo qui định của Trường.

3. Phòng SDH tập hợp hồ sơ xét cấp Bằng tiến sĩ và tiến hành trình Hiệu trưởng thủ tục cấp bằng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ những điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp Bằng tiến sĩ cho NCS.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp Bằng tiến sĩ.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể khiếu nại, tố cáo những vi phạm, gian lận của NCS trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo qui định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 37. Thanh tra, kiểm tra

1. Phòng Thanh tra, Pháp chế và An ninh thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo qui định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; qui trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Phòng Thanh tra, Pháp chế và An ninh thông báo bằng văn bản cho Trường.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng sẽ trực tiếp xử lý theo thẩm quyền và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ có hình thức xử lý theo đúng pháp luật.

2. Trường hợp NCS bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án; hoặc không được Hội đồng thẩm định thông qua; tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi bằng tiến sĩ đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Thi hành và hiệu lực của qui chế

Qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường đại học Tôn Đức Thắng có hiệu lực kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

Phụ lục**HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định sốngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng Trường đại học Tôn Đức Thắng)*

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE.
2. Có cam đoan của NCS về nội dung luận án.
3. Cấu trúc của luận án gồm:
 - a. Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
 - b. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - c. Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
 - d. Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
 - e. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - f. Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo qui định của cơ sở đào tạo;
 - g. Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - h. Phụ lục (nếu có).